TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2022/DS-ST
Ngày: 26/5/2022.
V/v "Tranh chấp
Hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tần Quốc Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Đông Nguyệt

Bà Cao Thị Tuyết Mai

Thư ký phiên tòa: Ông Cao Đăng Huy - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 89/2021/TLST-DS, ngày 12/5/2021 về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 199/2022/QĐST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 229/2022/QĐST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2022 , giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S

Địa chỉ: Lầu H, 2 N, Phường H, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Bích Thanh T (vắng mặt do có đơn xin vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Tuấn K, sinh năm 1965 (vắng mặt không có lý do)

Địa chỉ: 4 Xóm C, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/4/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S trình bày:

Ngày 05/06/2007, ông Nguyễn Tuấn K có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng số thẻ 472074 - 8705 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông K, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng, với mục đích tiêu

dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông K đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 109.039.275 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông K đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 132.837.000 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông K vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông K vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 01/08/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu là 11,951,086 sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Lãi quá hạn = 150% x lãi trong hạn = 2.6 x 150% = 3.9%/ tháng.

Tính đến ngày 26/05/2022, Ông K còn nợ các khoản sau:

Nợ gốc : 11.951.086 đồng

Lãi quá hạn : 10.315.904 đồng (từ 01/08/2020 đến 26/05/2022)

Tổng cộng : 22.266.990 đồng

(Bằng chữ: Hai mươi hai triệu, hai trăm sáu mươi sáu nghìn, chín trăm chín mươi đồng)

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông K, yêu cầu ông K có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để ông K trả nợ, tuy nhiên ông K vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP S kính đề nghị Tòa án:

1. Buộc ông Nguyễn Tuấn K phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 26/05/2022 là 22.266.990 đồng (Bằng chữ: Hai mươi hai triệu, hai trăm sáu mươi sáu nghìn, chín trăm chín mươi đồng) trong đó: Nợ gốc là 11.951.086 đồng; Lãi quá hạn là 10.315.904 đồng (từ 01/08/2020 đến 26/05/2022).

2. Ông Nguyễn Tuấn K có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 27/5/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn, để thực hiện việc tham gia tố tụng tại Tòa án, nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa: Đại diện Nguyên đơn yêu cầu vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, có đủ cơ sở xác định nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả toàn bộ khoản nợ còn thiếu là có cơ sở, cần được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét việc khởi kiện yêu cầu thanh toán số tiền nợ theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng là vụ án dân sự về tranh chấp Hợp đồng tín dụng và bị đơn có nơi cư trú tại Quận D, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Thủ tục mở phiên tòa vắng mặt đương sự:

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

Xét đề nghị của nguyên đơn chỉ yêu cầu cá nhân ông K có trách nhiệm trả khoản nợ, không yêu cầu đưa thêm người vào tham gia tố tụng là tự nguyện và không trái pháp luật nên chấp nhận.

[2]. Về nội dung:

Đối với số tiền nợ gốc và lãi:

Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ, có đủ cơ sở xác định ngày 05/06/2007, ông Nguyễn Tuấn K có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng số thẻ 472074 - 8705 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông K, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông K đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 109.039.275 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông K đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 132.837.000 đồng. Qua nhiều lần làm việc,

nhắc nhở nhưng ông K vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông K vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 01/08/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu là 11.951.086 sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Lãi quá hạn = 150% x lãi trong hạn = 2.6 x 150% = 3.9%/ tháng.

Xét việc thỏa thuận giữa các bên là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 91, điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông K đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 109.039.275 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông K đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 132,837,000 đồng. Tính đến ngày 26/05/2022 là 22.266.990 đồng (Bằng chữ: Hai mươi hai triệu, hai trăm sáu mươi sáu nghìn, chín trăm chín mươi đồng) trong đó: Nợ gốc là 11.951.086 đồng; Lãi quá hạn là 10.315.904 đồng (từ 01/08/2020 đến 26/05/2022). Mặc dù Ngân hàng đã nhắc nhở nhiều lần.

Như vậy, ông K đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán mà các bên đã thỏa thuận theo Hợp đồng mà các bên đã ký kết. Cho nên, Ngân hàng yêu cầu ông K thanh toán số tiền nợ quá hạn là có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 90, 91, 95 và 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, căn cứ Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Tuấn K có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S một lần khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật số tiền tính đến ngày 26/05/2022 là 22.266.990 đồng (Bằng chữ: Hai mươi hai triệu, hai trăm sáu mươi sáu nghìn, chín trăm chín mươi đồng) trong đó: Nợ gốc là 11.951.086 đồng; Lãi quá hạn là 10.315.904 đồng (từ 01/08/2020 đến 26/05/2022). Ngoài ra, từ ngày 27/5/2022 trở đi, ông K còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng thẻ tín dụng đã ký cho đến khi trả dứt nợ cho Ngân hàng.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn; Trả lại số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 90, 91 95 và 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ vào 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Nguyễn Tuấn K có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền nợ quá hạn của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký ngày 05/6/2007 tính đến ngày 26/05/2022 là 22.266.990 đồng (Bằng chữ: Hai mươi hai triệu, hai trăm sáu mươi sáu nghìn, chín trăm chín mươi đồng), trong đó: Nợ gốc là 11.951.086 đồng; Lãi quá hạn là 10.315.904 đồng (từ 01/08/2020 đến 26/05/2022).

Thi hành khi bản án có hiệu lực pháp luật tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày 27/5/2022 trở đi, ông Nguyễn Tuấn K còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng thẻ tín dụng đã ký cho đến khi trả dứt nợ cho Ngân hàng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Tuấn K phải nộp 1.113.350 (một triệu một trăm mười ba nghìn, ba trăm năm mươi) đồng.

- Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng đã nộp là 340.000 (Ba trăm năm mươi bốn nghìn) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0036400 ngày 06/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4.

3. Về quyền kháng cáo: đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 4;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tần Quốc Bình